

小兒泌尿道感染預防與治療-越南語

PHÒNG TRÁNH VIÊM NHIỄM ĐƯỜNG TIẾT NIỆU Ở TRẺ EM VÀ ĐIỀU TRỊ

泌尿道感染是指尿路中有細菌存在所引起的感染。一般來說，由於性別差異，一歲內男童明顯較多，大多數和先天尿路結構或功能異常有關，其中以膀胱輸尿管逆流最為常見。而隨著年齡增加，女童由於尿道結構較短，所以發生率較男童為高。

Viêm nhiễm đường tiết niệu là chỉ trong đường tiết niệu có vi khuẩn gây ra viêm nhiễm. Thông thường, do khác về giới tính, trẻ trai dưới 1 tuổi có trường hợp mắc bệnh nhiều rõ rệt, đa số có mối quan hệ với cấu tạo và chức năng bẩm sinh của đường tiết niệu, trong đó thường gặp nhất là tiểu trào ngược bàng quang. Tăng theo độ tuổi, cấu tạo đường tiết niệu của nữ tương đối ngắn do vậy tỉ lệ nhiễm cao hơn so với nam.

一、症狀 Triệu chứng :

臨床表現以發燒為最常見，新生兒時期主要以發燒、食慾不佳、腹瀉、哭鬧不安、延遲性黃疸、腹脹、生長遲滯及血尿等症狀表現。年紀較大的孩童的表現則為解小便疼痛、下腹痛、頻尿及發燒等症狀。其次為畏寒、活力下降、食慾不好、腹脹等，甚至會以腹瀉、嘔吐、若未予適當治療可能會引發敗血症為其臨床表現，易引發嚴重之併發症。

Biểu hiện lâm sàng thường gặp là sốt, thời kỳ trẻ sơ sinh chủ yếu là sốt, chán ăn, đi ngoài, quấy khóc không yên, vàng da trì hoãn, trướng bụng, chậm tăng trưởng và tiểu máu. Biểu hiện của trẻ nhi lớn tuổi một chút lại có triệu chứng tiểu đau, đau bụng dưới, tiểu nhiều và sốt. Tiếp theo là ón lạnh, sức sống giảm, chán ăn, trướng bụng... thậm chí sẽ đi ngoài, nôn, nếu không điều trị tốt thậm chí sẽ có biểu hiện lâm sàng của nhiễm khuẩn huyết, dễ gây ra những biến chứng nghiêm trọng.

二、造成泌尿道感染的原因 Nguyên nhân gây nên viêm nhiễm đường tiết niệu :

幼兒泌尿道感染不明，常見致病細菌為大腸桿菌，細菌來源一般來自病人的糞便，或來自其他血行性感染所造成。女性因尿道較短，發生感染機率較高。幼兒之泌尿道系統常存在著先天性泌尿道異常。如腎盂輸尿管狹窄，引起之水腎，膀胱輸尿管回流，腎發育不全或單一腎等。若未經正確診斷和適當的處理，則患童不僅易發生反覆性感染，更會造成腎臟的損傷。所以，適當治療兒童泌尿道感染與詳細檢查泌尿道系統是相當重要的。Viêm nhiễm đường tiết niệu ở trẻ sơ sinh không rõ ràng, thường gặp là điều trị do vi khuẩn thành vi khuẩn E coli, nguồn gốc vi khuẩn thường là từ phân của người bệnh hoặc đường máu khác. Nữ giới thường do đường tiết niệu ngắn, tỷ lệ viêm nhiễm cao. Hệ thống tiết niệu ở trẻ em thường có những bất thường bẩm sinh ở cấu tạo. Như ống dẫn tiểu hẹp, dẫn đến

thận ú nước, tiểu trào ngược bàng quang, thận phát triển không toàn diện hoặc một quả thận. Nếu chưa được chẩn đoán xác nhận và xử lý hợp lý thì tình trạng bệnh của bệnh nhi sẽ không chỉ bị tái đi tái lại mà còn gây tổn thương cho thận. Do vậy, điều trị viêm đường tiết niệu triệt để hoặc kiểm tra kỹ cấu tạo hệ thống tiết niệu là một việc làm quan trọng.

三、相關的檢查 Xét nghiệm liên quan :

1. 尿液檢查、尿液培養。 Kiểm tra nước tiểu, cấy nước tiểu

2. 腎臟超音波檢查: 檢查是否有水腎、腎臟膿瘍或泌尿道系統構造異常。

Siêu âm thận bằng sóng siêu âm: Kiểm tra xem thận có bị ú nước, có vết loét hoặc cấu tạo hệ thống tiết niệu bất thường.

3. 腎臟核子醫學檢查: 檢查是否有急性腎盂腎炎或腎臟結痂和腎臟受損狀況。

Kiểm tra thận bằng y học hạt nhân: Kiểm tra xem có viêm thận cấp tính hoặc thận đóng vảy hoặc tình trạng thận có tổn thương.

4. 膀胱輸尿管回流攝影: 評估是否有膀胱輸尿管回流。

Chụp ảnh tiểu trào ngược bàng quang: Đánh giá xem có tiểu trào ngược bàng quang không.

四、治療方式: 給予適當抗生素治療 Phương thức điều trị: Cho uống thuốc kháng sinh thích hợp

存有膀胱輸尿管回流時, 於輕度狀況下僅需低劑量之抗生素以預防再次感染, 若回流嚴重時, 則需考慮手術矯正, 以免腎臟長期受傷害。

Chỉ đơn thuần có tiểu trào ngược bàng quang mức nhẹ chỉ cần dùng lượng thuốc kháng sinh nhỏ để phòng tránh tái viêm nhiễm, nếu tiểu trào ngược nghiêm trọng thì cần phải xem xét làm phẫu thuật chỉnh lại để tránh để lâu thận bị tổn thương

五、預防感染之方法 Phương pháp phòng tránh viêm nhiễm :

1. 嬰幼兒需勤換尿布, 並以清水清洗會陰及臀部。 Trẻ sơ sinh trẻ nhỏ cần thường xuyên thay tã bím, và lấy nước sạch rửa mông và bộ phận sinh dục.

2. 避免憋尿 (至少 3 ~ 4 小時排尿一次), 且每次應全部排空, 避免有餘尿。

Tránh nhịn tiểu (ít nhất 3-4 giờ tiểu 1 lần), và mỗi lần đi phải đi hết không để tồn đọng nước tiểu.

可將細菌沖離泌尿道, 若尿液在膀胱中滯留時間超過 4 小時以上, 感染的機率也就大幅升高。

Có thể xịt làm cho vi khuẩn bắn ra khỏi đường tiết niệu, nếu nước tiểu ở trong bàng quang quá 4h, tỷ lệ viêm nhiễm sẽ tăng cao

3.攝取足夠水分；蔓越莓汁 (cranberry juice) (小紅莓汁) 可酸化尿液以減少細菌滋生。若病童已就學，可請老師協助督促喝水及排尿。

Uống đủ nước; Nước ép quả việt quất, quả mâm xôi để axit hóa nước tiểu giảm vi khuẩn sinh sôi. Nếu trẻ đã đi học, có thể nhờ cô giáo nhắc trẻ uống nước và đi tiểu đều.

4.養成良好衛生習慣：注意尿道口的清潔，指導女童清潔會陰時，應由前往後擦拭；男童應正確執行包皮清潔。男童沐浴時應將包皮往上推清洗龜頭。清洗後務必將包皮往回推，以免太緊而導致缺血。

Tập thói quen đi tiểu tốt: Chú ý vệ sinh của đường tiết niệu, hướng dẫn trẻ nữ vệ sinh bộ phận sinh dục, nên lau từ trước ra sau; trẻ nam nên vệ sinh sạch bao quy đầu. Trẻ nam khi tắm nên kéo da bao quy đầu ra để vệ sinh quy đầu. Sau khi vệ sinh xong thả về vị trí cũ, để tránh quá chặt gây thiếu máu

5.洗澡最好採淋浴，避免泡澡與洗泡沫浴過久。

Khi tắm tốt nhất tắm vòi sen, tránh tắm bồn hoặc ngâm xà phòng quá lâu

6.避免過緊的衣著或尿布；選擇棉質的內衣褲為佳。

Tránh mặc quần áo hoặc bỉm quá chặt; Nên lựa chọn quần lót bông

7.預防便秘，正常解便可使膀胱排空較完全。 預防便秘，正常解便可使膀胱排空較完全。 Phòng tránh táo bón, đi đại tiện bình thường có thể giúp bàng quang bài tiết sạch hoàn toàn

參考資料

黃美智、蔣立琦總校訂(2014) · 兒科護理學 (五版) · 台北：永大。

余陳偉、張哲輔、陳勃仲 (2012) · 兒童泌尿道感染 · 家庭醫學與基層醫療, 27 (2), 46-51。

張淑敏 (2012) · 兒童泌尿生殖系統疾病與護理 · 蔣立琦等編著, 兒科護理學 (四版) · 台北市：永大。

潘潔慧 (2013) · 淺談兒科泌尿道感染 · 台灣醫界, 56 (7), 371-374。

若您想對以上的內容進一步了解，請洽諮詢電話：05-2756000 轉


兒科加護病房分機 4505、4506

新生兒中重度病房分機 4507、4508

Nếu bạn muốn hiểu thêm về nội dung ở trên, mời gọi số điện thoại 05-2756000 chuyên

Số máy lẻ 4505, 4506 phòng tăng cường chăm sóc khoa nhi

Số máy lẻ 4507, 4508 phòng bệnh nặng khoa sơ sinh

 天主教中華聖母修女會醫療財團法人天主教聖馬爾定醫院 關心您

2018年04月修訂